

ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

PGS.TS. ĐOÀN ĐỨC LƯƠNG, PGS.TS. TRẦN VĂN HẢI

(Đồng chủ biên)

TS. NGUYỄN THỊ HỒNG TRINH

GIÁO TRÌNH

SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(Trong lĩnh vực Khoa học giáo dục)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

Huế, 2018

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Đoàn Đức Lương

Giáo trình Sở hữu trí tuệ : Trong lĩnh vực khoa học giáo dục / Đoàn Đức Lương, Trần Văn Hải (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Trinh. - Huế : Đại học Huế, 2018. - 338tr. ; 24cm

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 336-338

1. Sở hữu trí tuệ 2. Giáo trình
346.0480711 - dc23

DUH0208p-CIP

Mã số sách: GT/117-2018

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình *Sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực khoa học giáo dục* được phát triển từ Đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ trọng điểm (mã số B2008-ĐHH 01-67TĐ): *Tài liệu chuyên khảo giảng dạy về sở hữu trí tuệ trong các trường đại học và cao đẳng lĩnh vực khoa học giáo dục* do PGS.TS. Đoàn Đức Lương chủ trì, nhóm tác giả cũng bổ sung một số mục mới mà đề tài trên chưa đề cập, như cập nhật văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ, bổ sung phần liên quan đến “tài nguyên giáo dục mở” theo mục tiêu xây dựng *Hệ tri thức Việt số hóa* bắt đầu khởi động từ ngày 1/1/2018 theo Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Giáo trình gồm 2 phần:

- *Phần 1: Những vấn đề chung về quyền sở hữu trí tuệ*, phần này chuyển tải nội dung khái quát về quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;

- *Phần 2: Một số nội dung của quyền sở hữu trí tuệ trong các trường đại học, cao đẳng*, phần này chuyển tải nội dung bảo hộ và khai thác quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quản lý tài sản trí tuệ trong các trường đại học, cao đẳng.

Giáo trình được hoàn thành với sự biên soạn của:

- PGS.TS. Đoàn Đức Lương biên soạn Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 8;

- PGS.TS. Trần Văn Hải biên soạn Chương 5, Chương 6, Chương 7.

- TS. Nguyễn Thị Hồng Trinh biên soạn Chương 1.

Giáo trình *Sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực khoa học giáo dục* gồm 2 phần: Phần 1 phục vụ chung cho tất cả các đối tượng sinh viên, học viên; phần 2 có tính đặc thù trước hết nhằm phục vụ việc học tập và nghiên cứu của người học trong các trường đại học, cao đẳng thuộc các lĩnh vực khoa học, bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, tiếp đó giáo trình là tài liệu tham khảo cho những người khác có quan tâm đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Nhóm tác giả rất mong nhận được sự đóng góp, bổ sung của Quý Độc giả để những lần tái bản sau đạt chất lượng cao hơn.

Xin trân trọng giới thiệu Giáo trình *Sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực khoa học giáo dục* với Quý Độc giả.

Thừa Thiên Huế, tháng 8/2018

Nhóm tác giả

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

KH&CN	Khoa học và Công nghệ
SHCN	Sở hữu công nghiệp
SHTT	Sở hữu trí tuệ
UBND	Ủy ban Nhân dân
WIPO	<i>World Intellectual Property Organization</i> Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới
WTO	<i>World Trade Organization</i> Tổ chức Thương mại Thế giới

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ	1
Chương 1. Khái quát về quyền sở hữu trí tuệ	2
1. Khái niệm, đặc điểm và bản chất của quyền sở hữu trí tuệ	2
1.1.1. Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ	3
1.1.2. Đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ	3
1.1.3. Bản chất của quyền sở hữu trí tuệ	8
1.2. Các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ	11
1.2.1. Quan niệm chung	12
1.2.2. Đặc điểm của đối tượng sở hữu trí tuệ	13
1.3. Các chủ thể của quyền sở hữu trí tuệ	16
1.3.1. Chủ thể quyền tác giả	17
1.3.2. Chủ thể quyền liên quan đến quyền tác giả	18
1.3.3. Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp	19
1.3.4. Chủ thể quyền đối với giống cây trồng	20
1.4. Lịch sử phát triển của hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	21
1.5. Quyền sở hữu trí tuệ và tài sản trí tuệ, vai trò của quyền sở hữu trí tuệ	25
1.5.1. Quyền sở hữu trí tuệ và tài sản trí tuệ	25
1.5.2. Vai trò của quyền sở hữu trí tuệ	29
1.6. Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ	31
1.6.1. Hệ thống pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ	31
1.6.2. Hệ thống pháp luật quốc tế về sở hữu trí tuệ	44

Câu hỏi thảo luận/bài tập	52
Chương 2. Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan	53
2.1. Bảo hộ quyền tác giả	53
2.1.1. Khái niệm quyền tác giả	53
2.1.2. Khái niệm bảo hộ quyền tác giả	57
2.1.3. Tác phẩm và các loại hình tác phẩm được bảo hộ	58
2.1.4. Chủ thể quyền tác giả	68
2.1.5. Khái niệm tác giả	69
2.1.6. Khái niệm chủ sở hữu quyền tác giả	73
2.1.7. Nội dung quyền tác giả	76
2.1.8. Giới hạn quyền tác giả	79
2.1.9. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả	84
2.2. Bảo hộ quyền liên quan	86
2.2.1. Khái niệm quyền liên quan	86
2.2.2. Nội dung quyền liên quan	88
2.2.3. Giới hạn quyền liên quan	92
2.3. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan	95
2.4. Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan	98
2.5. Chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan	102
2.5.1. Khái niệm chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan	102
2.5.2. Chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan	104
2.5.3. Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan	108
Câu hỏi thảo luận/bài tập	111
Chương 3. Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp	115
3.1. Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế	115

3.1.1. Khái quát về sáng chế và bảo hộ sáng chế	115
3.1.2. Điều kiện bảo hộ sáng chế	117
3.1.3. Cơ chế bảo hộ và trình tự thủ tục xác lập quyền đối với sáng chế	122
3.1.4. Thủ tục xử lý đơn và cấp văn bằng bảo hộ sáng chế	131
3.1.5. Nội dung và giới hạn quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế	138
3.2. Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	148
3.2.1. Khái quát chỉ dẫn địa lý và bảo hộ chỉ dẫn địa lý	148
3.2.2. Điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý	154
3.2.3. Cơ chế bảo hộ và trình tự, thủ tục xác lập quyền đối với chỉ dẫn địa lý	158
3.2.4. Nội dung quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	162
3.3. Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh	164
3.3.1. Khái quát về bí mật kinh doanh và bảo hộ bí mật kinh doanh	164
3.3.2. Điều kiện bảo hộ bí mật kinh doanh	165
3.3.3. Nội dung quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh	166
3.4. Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu	167
3.4.1. Khái quát về nhãn hiệu và bảo hộ nhãn hiệu	167
3.4.2. Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu	173
3.4.3. Cơ chế bảo hộ và trình tự thủ tục xác lập quyền đối với nhãn hiệu	184
3.4.4. Nội dung quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu	188
3.5. Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại	190
3.5.1. Khái quát về tên thương mại và bảo hộ tên thương mại	190
3.5.2. Điều kiện bảo hộ tên thương mại	193

3.5.3. Nội dung quyền đối với tên thương mại	194
3.6. Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với kiểu dáng công nghiệp	195
3.6.1. Khái quát về kiểu dáng công nghiệp và bảo hộ kiểu dáng công nghiệp	195
3.6.2. Điều kiện bảo hộ	195
3.6.3. Cơ chế bảo hộ và trình tự thủ tục xác lập quyền đối với kiểu dáng công nghiệp	197
3.6.4. Thẩm định nội dung đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp	198
3.7. Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp	198
3.7.1. Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp	198
3.7.2. Chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	201
Câu hỏi thảo luận/bài tập	206
Chương 4. Bảo hộ quyền đối với giống cây trồng	211
4.1. Khái quát về giống cây trồng mới và bảo hộ giống cây trồng mới	211
4.1.1. Giống cây trồng mới và bảo hộ giống cây trồng mới	211
4.1.2. Ý nghĩa của việc bảo hộ giống cây trồng	213
4.2. Điều kiện được bảo hộ giống cây trồng mới	214
4.3. Trình tự, thủ tục xác lập quyền đối với giống cây trồng mới	214
4.3.1. Thẩm định hình thức	214
4.3.2. Thẩm định nội dung	215
4.3.3. Cấp văn bằng bảo hộ	217
4.4. Quyền và nghĩa vụ của chủ văn bằng bảo hộ giống cây trồng	218
4.4.1. Quyền của chủ văn bằng bảo hộ giống cây trồng	218
4.4.2. Nghĩa vụ của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng	219
4.4.3. Nghĩa vụ của tác giả giống cây trồng	220

4.5. Chuyển giao quyền đối với giống cây trồng	220
4.5.1. Chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng	220
4.5.2. Chuyển quyền sử dụng giống cây trồng	221
Câu hỏi thảo luận/bài tập	223
Chương 5. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	224
5.1. Khái niệm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	224
5.1.1. Khái niệm hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ	224
5.1.2. Khái niệm hành vi xâm phạm quyền về sở hữu trí tuệ	226
5.1.3. Phân biệt hành vi vi phạm và hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	227
5.2. Thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	228
5.3. Xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	229
5.3.1. Xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan	229
5.3.2. Xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	231
5.3.3. Xác định hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng	237
5.4. Các biện pháp bảo vệ quyền về sở hữu trí tuệ	237
5.4.1. Biện pháp tự bảo vệ	237
5.4.2. Biện pháp dân sự	242
5.4.3. Biện pháp hành chính	247
5.4.4. Biện pháp hình sự	251
5.4.5. Biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan	254
Câu hỏi thảo luận/bài tập	256
PHẦN 2. MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG	263
Chương 6. Bảo hộ và khai thác quyền tác giả trong các trường Đại học, Cao đẳng	264

6.1. Quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học	264
6.1.1. Tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học	264
6.1.2. Chủ sở hữu của kết quả nghiên cứu khoa học	270
6.1.3. Mối quan hệ giữa tác giả và chủ sở hữu của kết quả nghiên cứu khoa học	271
6.1.4. Quyền của tác giả và quyền của chủ sở hữu quyền tác giả	272
6.2. Một số kết quả nghiên cứu đặc biệt trong lĩnh vực khoa học giáo dục	274
6.2.1. Tác phẩm phái sinh	274
6.2.2. Chương trình máy tính	276
6.2.3. Quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số	281
6.3. Chuyển giao tác phẩm đối với kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục	283
6.3.1. Chuyển nhượng tác phẩm đối với kết quả nghiên cứu	283
6.3.2. Chuyển quyền sử dụng tác phẩm đối với kết quả nghiên cứu	285
6.4. Xây dựng “tài nguyên giáo dục mở”	287
6.4.1. Tầm quan trọng của “tài nguyên giáo dục mở”	287
6.4.2. Lịch sử hình thành “tài nguyên giáo dục mở”	287
6.4.3. Khái niệm “tài nguyên giáo dục mở”	288
6.4.4. Nguồn tác phẩm để xây dựng “tài nguyên giáo dục mở”	290
6.4.5. Hình thức cấp phép xây dựng “tài nguyên giáo dục mở”	293
Câu hỏi thảo luận/bài tập	295
Chương 7. Bảo hộ và khai thác quyền sở hữu công nghiệp trong các trường Đại học, Cao đẳng	296
7.1. Khái quát về bảo hộ và khai thác quyền đối với sáng chế trong các trường đại học, cao đẳng	296

7.1.1. Kết quả nghiên cứu khoa học là sáng chế	296
7.1.2. Các dạng tồn tại của sáng chế	296
7.1.3. Mối quan hệ giữa tác giả và chủ sở hữu sáng chế	289
7.2. Đánh giá khả năng bảo hộ sáng chế	299
7.2.1. Đánh giá tính mới của sáng chế	299
7.2.2. Đánh giá trình độ sáng tạo của sáng chế	300
7.2.3. Đánh giá khả năng áp dụng công nghiệp của sáng chế	302
7.3. Quy trình bảo hộ sáng chế	302
7.3.1. Quyền nộp đơn yêu cầu bảo hộ sáng chế	302
7.3.2. Cách lập bản mô tả sáng chế	303
7.3.3. Thẩm định hình thức đơn yêu cầu bảo hộ sáng chế	305
7.3.4. Thẩm định nội dung đơn yêu cầu bảo hộ sáng chế	306
7.4. Chuyển giao sáng chế	307
7.4.1. Chuyển nhượng sáng chế	307
7.4.2. Chuyển quyền sử dụng sáng chế	308
7.5. Bảo hộ và khai thác quyền đối với bí mật kinh doanh	310
7.5.1. Khái niệm bí mật kinh doanh	310
7.5.2. Phân tích ngược đối với bí mật kinh doanh	311
7.6. Bảo hộ và khai thác quyền đối với nhãn hiệu dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	313
7.6.1. Nhãn hiệu dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	313
7.6.2. Quản lý nhãn hiệu dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	314
7.6.3. Quy trình, thủ tục đăng ký bảo hộ nhãn hiệu dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	317
Câu hỏi thảo luận/bài tập	318

Chương 8. Quản lý tài sản trí tuệ	320
8.1. Khái niệm quản lý tài sản trí tuệ	320
8.1.1. Tài sản trí tuệ	320
8.1.2. Quản lý tài sản trí tuệ	321
8.2. Các phương thức chủ yếu quản lý tài sản trí tuệ	322
8.2.1. Phát hiện và lập hồ sơ đăng ký xác lập quyền	322
8.2.2. Xây dựng quy chế hoạt động sở hữu trí tuệ	324
8.2.3. Tư vấn về sở hữu trí tuệ	327
8.2.4. Phát hiện và yêu cầu xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	328
8.3. Các biện pháp chủ yếu khuyến khích hoạt động sở hữu trí tuệ	330
8.3.1. Khuyến khích vật chất	330
8.3.2. Biện pháp khuyến khích tinh thần	331
8.3.3. Biện pháp khuyến khích tài chính	331
Câu hỏi thảo luận/bài tập	332
TÀI LIỆU THAM KHẢO	333

QUY ƯỚC

Trong Giáo trình này:

1. Các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam sau đây được hiểu là:

- *Bộ luật Dân sự 2005* là luật số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005.

- *Bộ luật Dân sự 2015* là luật số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

- *Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015* là luật số 92/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/11/2015;

- *Bộ luật Hình sự 2015* là luật số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14;

- *Luật SHTT* là luật số 50/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005, sửa đổi năm 2009;

- *Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012* là luật số 15/2012/QH13, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/6/2012;

- *Nghị định 57/2005* là Nghị định số 57/2005/NĐ-CP ngày 27/4/2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, được sửa đổi và bổ sung bởi Nghị định số 172/2007/NĐ-CP ngày 28/11/2007;

- *Nghị định 100/2006* là Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật SHTT về quyền tác giả và quyền liên quan, được sửa đổi và bổ sung bởi Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011;

- *Nghị định 103/2006* là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật

SHTT về SHCN, được sửa đổi và bổ sung bởi Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010;

- *Nghị định 104/2006* là Nghị định số 104/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về quyền đối với giống cây trồng;

- *Nghị định 105/2006* là Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về bảo vệ quyền SHTT và quản lý nhà nước về SHTT, được sửa đổi và bổ sung bởi Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010;

- *Nghị định 99/2013* là Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/08/2013 Quy định xử phạt vi phạm hành chính về SHCN;

- *Nghị định 131/2013* là Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017;

- *Nghị định 31/2016* là Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- *Thông tư 01/2007* là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/2/2007 về Hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về SHCN, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/2/2013;

- *Quyết định 78/2008* là Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quản lý hoạt động SHTT trong cơ sở giáo dục đại học.

2. Các văn bản pháp luật quốc tế sau đây được hiểu là:

- Công ước Berne: Công ước về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật (*The Berne Convention for the Protection of Literary and Artistic Works*);

- Công ước Paris: Công ước về bảo hộ SHCN (*The Paris Convention for the Protection of Industrial Property*);

- Công ước Stockholm: Công ước thành lập Tổ chức SHTT Thế giới (*The Convention Establishing the World Intellectual Property Organization*);
- Công ước Brussels: Công ước liên quan đến việc phân phối các tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh (*The Convention Relating to the Distribution of Programme-Carrying Signals Transmitted by Satellite*);
- Công ước Geneva: Công ước về bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống lại việc sao chép trái phép bản ghi âm của họ (*The Convention for the Protection of Producers of Phonograms Against Unauthorized Duplication of Their Phonograms*);
- Công ước Rome: Công ước quốc tế về Bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và tổ chức phát sóng (*The International Convention for the Protection of Performers, Producers of Phonograms and Broadcasting Organizations*);
- Công ước UPOV: Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (*The International Union for the Protection of New Varieties of Plants*);
- Hiệp định TRIPS: (*The Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights*), Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền SHTT;
- Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ: *The US-Vietnam Bilateral Trade Agreement (BTA)* được ký tại Washington, D.C. 13.7.2000;
- PCT: Hiệp ước hợp tác về sáng chế (*Patent Cooperation Treaty*);
- Thỏa ước Madrid: Thỏa ước Madrid về Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (*The Madrid Agreement Concerning the International Registration of Marks*);
- Nghị định thư Madrid: Nghị định thư liên quan đến Thỏa ước Madrid (*The Protocol Relating to the Madrid Agreement Concerning the International Registration of Marks*);
- Thỏa ước Lisbon: Thỏa ước Lisbon về bảo hộ các tên gọi xuất xứ và đăng ký quốc tế tên gọi của chúng (*The Lisbon Agreement for the Protection of Appellations of Origin and their International Registration*).